

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.230.427.244	2.507.734.064
Chi phí nhân công	53.527.888.687	42.990.480.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.457.230.867	3.355.983.071
Hoàn nhập dự phòng	(232.279.070)	(1.876.504.685)
Thuế, phí, lệ phí	1.744.767.190	5.581.786.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.811.259.079	4.068.700.888
Chi phí khác bằng tiền	17.774.973.954	10.901.393.124
	85.314.267.951	67.529.573.919

34 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	27.262.684.361	45.869.507.574
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	843.082.358
Thu nhập hoạt động xen canh	15.010.725.155	12.058.961.284
Thu nhập hoạt động trồng cây ngắn ngày	1.012.856.000	4.131.485.022
Thu nhập khác	11.279.743.566	1.878.175.981
	54.566.009.082	64.781.212.219

35 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí phục vụ hoạt động trồng xen canh	4.528.403.165	9.505.215.218
Chi phí đầu tư hoạt động trồng cây ngắn ngày	3.470.122.211	4.068.132.455
Chi phí khác	50.224.524.567	16.577.894.434
	58.223.049.943	30.151.242.107

36 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại Công ty mẹ	8.527.537.876	9.904.123.212
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại các Công ty con	4.229.608.441	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	12.757.146.317	9.904.123.212

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	333.372.266.143	179.293.305.452
Chi phí nhân công	529.021.794.220	436.438.000.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.643.890.177	137.932.454.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.328.685.806	88.356.235.817
Chi phí khác bằng tiền	56.948.524.656	80.817.141.080
	1.163.315.161.002	922.837.138.076

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	237.110.526.773	-	-	237.110.526.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.909.161.247	6.733.070.313	-	18.642.231.560
Các khoản cho vay	8.394.449.093	-	-	8.394.449.093
	257.414.137.113	6.733.070.313	-	264.147.207.426

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- C.R.C.K Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Tập đoàn
- Tay Ninh Siem Riep Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Tập đoàn
- Tạp chí Cao su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn
- Hiệp hội Cao su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	Cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Cùng Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	486.274.072.029	176.253.650.523
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	460.560.216.453	153.325.797.100
- C.R.C.K Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	-	1.113.224.312
- Tay Ninh Siem Riep Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	25.713.855.576	21.814.629.111
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	8.815.819.174	4.711.147.925
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	105.987.240	80.207.105
- Tay Ninh Siem Riep Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	7.750.045.645	-
- Tạp chí Cao su Việt Nam	639.957.001	325.980.000
- Viện nghiên cứu Cao Su	237.902.888	4.169.596.420
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	-	41.000.000
- Hiệp hội Cao su Việt Nam	22.064.400	94.364.400
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	59.862.000	-
Chi phí tài chính	268.752.959	450.549.183
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	268.752.959	450.549.183

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

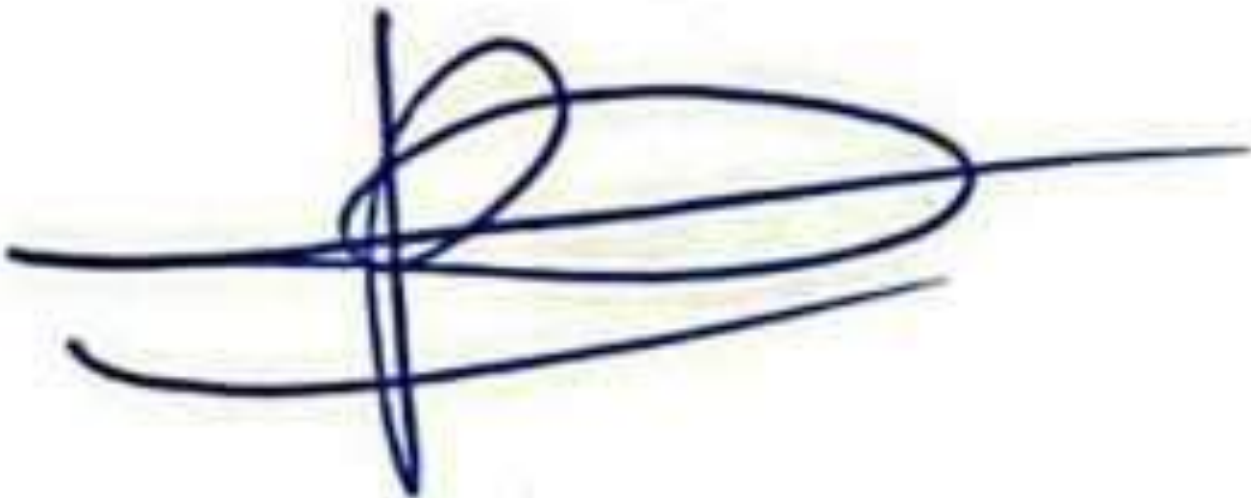
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Người quản lý chủ chốt	4.859.568.797	4.446.905.174
- Ông Đặng Đức Tri	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/07/2024)	504.000.000
- Ông Phan Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/07/2024)	-

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
- Ông Lê Đức Hân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/06/2024)	178.521.492	-
- Ông Phạm Duy Muôn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/06/2024)	443.106.280	540.000.000
- Ông Phan Văn Minh	Thành viên HĐQT	540.641.022	432.000.000
- Ông Vương Đức Thông	Thành viên HĐQT	540.641.022	414.000.000
- Ông Nguyễn Duy Linh	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/11/2023	-	823.505.174
- Ông Trần Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc	518.147.647	414.000.000
- Ông Bùi Duy Đốc	Phó Tổng Giám đốc	518.147.647	414.000.000
- Ông Lê Quang Thái	Thành viên Ban kiểm soát	473.160.897	378.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên Ban kiểm soát	224.132.548	37.800.000
- Ông Mai Trung Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	259.294.812	75.600.000
- Ông Chu Trung Đức	Kế toán trưởng	491.160.897	414.000.000

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

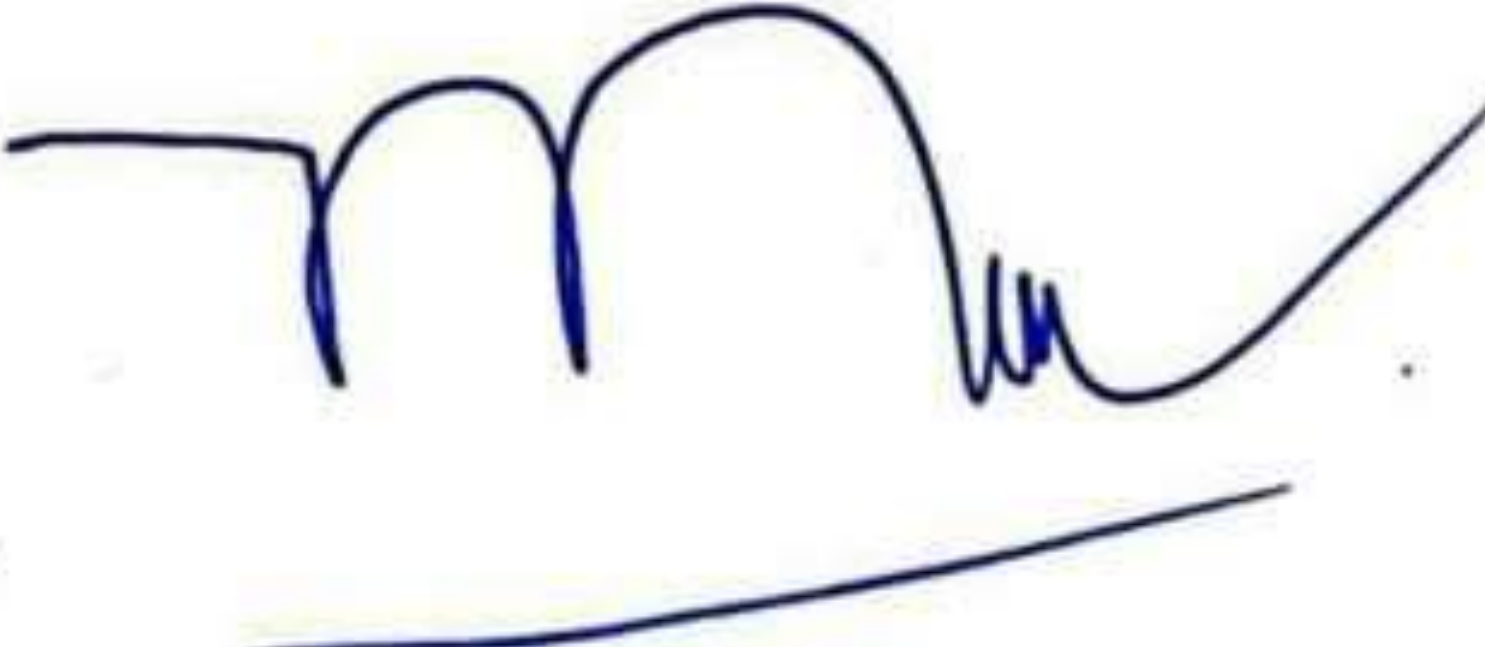
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Trần Văn Bình

Kế toán trưởng



Chu Trung Đức



Lê Đức Hân